

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2019/HNGĐ -ST  
Ngày: 24 tháng 5 năm 2019  
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quang Vũ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đoàn Văn Quang

2. Ông Võ Văn Thống

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*  
Bà Trần Thị Ngọc Tuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22a/2019/QĐST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh Ngô Văn M, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh Ngô Văn M:

- Ông Ngô Văn M1, sinh năm: xxxx (Cha anh M, xin vắng mặt)

- Bà Trần Thị C, sinh năm: xxxx (Mẹ anh M, xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố X, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2008, chị và anh M qua mai mối, tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 17 tháng 4 năm 2008. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với gia đình chồng một thời gian, sau đó vợ chồng xây nhà ra riêng chung sống, sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh M không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thanh L, sinh ngày xx tháng x năm xxxx và Ngô Thanh T, sinh năm: 07 tháng 7 năm 2015, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, do hai con chung muốn sống với chị G, do anh M không có nghề nghiệp ổn định nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

*\* Tại phiên tòa anh M vắng mặt nhưng tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Ngô Văn M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất nội dung chị G trình bày. Vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc không hàn gắn được. Nay chị G yêu cầu ly hôn anh đồng ý

- Về con chung: Có hai con chung tên Ngô Thanh L, sinh ngày xx tháng x năm xxxx và Ngô Thanh T, sinh ngày xx tháng x năm xxxx, hiện đang sống chung với chị G. Ly hôn anh đồng ý để vợ nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Không có

*\* Người đại diện theo pháp luật của anh Ngô Văn M là ông Ngô Văn M1 và bà Trần Thị C (cha, mẹ anh M) xin vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng ông M1, bà C xác định:*

- Về hôn nhân: Thống nhất nội dung chị G trình bày. Do tình cảm giữa anh M và chị G không còn nên chị G yêu cầu ly hôn anh M cũng đồng ý nên ông M1 và bà C cũng thống nhất theo ý kiến của anh M và yêu cầu của chị G;

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng anh M, chị G có 02 con chung như lời chị G trình bày. Khi chị G và anh M ly hôn, ông bà đồng ý giao hai con chung của chị G và anh M cho chị G nuôi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị G

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có;

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn M là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Anh M được bệnh viện T – Sở Y tế tỉnh Tiền Giang chuẩn đoán rối loạn tâm thần, giống tâm thần phân liệt cấp và được cấp giấy khám sức khỏe tâm thần số 489/2017 ngày 03 tháng 4 năm 2017. Chị G, anh M, ông M1 và bà C không yêu cầu Tòa án tuyên bố anh M là người mất năng lực hành vi dân sự, cũng không đồng ý đưa anh M giám định tâm thần; tuy Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông có yêu cầu và giải thích nên căn cứ vào mục 6, phần IV của Giải đáp nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung và để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh M nên Tòa án đưa ông Ngô Văn M1 và bà Trần Thị C vào tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo pháp luật của anh Ngô Văn M theo quy định tại khoản 2 Điều 22 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 73 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[1.2] Anh M hiện đang chung sống ở nhà ông M1, bà C tại Khu phố X, thị trấn V huyện G, tỉnh Tiền Giang. Ông M1, bà C có việc làm ổn định, thu nhập đủ để sinh sống và nuôi dưỡng anh M. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, anh M được ông M1, bà C chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; không ảnh hưởng yêu cầu xin ly hôn của chị G; Ông M1, bà C không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi anh M nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[1.3] Anh Ngô Văn M đã được Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông triệu tập hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do, người đại diện theo pháp luật của anh M là ông Ngô Văn M1 và bà Trần Thị C có đơn xin vắng mặt do nên căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh M, ông M1 và bà C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Ngô Văn M tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã V (nay là thị trấn V), huyện G cấp giấy chứng kết hôn số 61 ngày 17 tháng 4 năm

2008 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, anh M không lo làm ăn chăm sóc vợ con, vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị không còn chung sống với nhau từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn M.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh M không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh M không còn có trách nhiệm với vợ và các con, cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm và hiện nay vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau.

- Ông M1, bà C là người đại diện theo pháp luật của anh M thống nhất về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn. Do tình cảm của anh M và chị G không còn hàn gắn được, anh M cũng đồng ý ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án ghi nhận. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh M, chị G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị G, anh M có hai con chung tên Ngô Thanh L, sinh ngày xx tháng x năm xxxx và Ngô Thanh T, sinh ngày xx tháng x năm xxxx. Khi ly hôn, các con chung muốn sống với chị G, do anh M không có đủ điều kiện nuôi con nên chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị G về người trực tiếp nuôi con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của con và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh M chưa cấp dưỡng nuôi con, do chị G chưa yêu cầu, anh M được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản;

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Chị G nộp án phí ly hôn theo quy định

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 73, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 22 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Ngô Văn M ly hôn
2. Về con chung: Giao con chung Ngô Thanh L, sinh ngày xx tháng x năm xxxx và Ngô Thanh T, sinh ngày xx tháng x năm xxxx cho chị Nguyễn Thị Ngọc G được tiếp tục nuôi dưỡng;
  - Anh M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản
  - Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi
3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 45997 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị G đã nộp đủ án phí;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND thị trấn V, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Vũ**